**QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẲNG THẠC SĨ NĂM 2023**

***1. Xét tuyển thẳng:***

1.1 Điều kiện xét tuyển thẳng:

Các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được xét tuyển thẳng nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

*- Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học:* đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT sau đây của Đại học Quốc gia Hà Nội: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET...) hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (đối với khóa tuyển sinh còn trong thời hạn).

+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) của Đại học Quốc gia Hà Nội.

***Chi tiết danh mục các ngành đủ điều kiện đăng kí xét tuyển thẳng xem tại Phụ lục 5.***

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học (xem quy định tại điểm b của mục này) có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng.

*- Về năng lực ngoại ngữ:* có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại mục 2, phần II của Thông báo này tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển. ***(xem Phụ lục 2, Phụ lục 3)***

1.2 Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

1.3 Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng và thông báo kết quả:

| **Công việc** | **Thời gian** |
| --- | --- |
| Thời gian đăng kí trực tuyến nộp hồ sơ trực tiếp và nộp lệ phí xét tuyển thẳng | Đợt 1: từ khi có thông báo tuyển sinh đến 17h00 ngày 14/04/2023.  Đợt 2: từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023. |
| Thời gian xét tuyển thẳng | Đợt 1: từ ngày 15/04/2023 đến trước ngày 20/04/2023  Đợt 2: từ ngày 31/08/2023 đến trước ngày 07/09/2023 |
| Thời gian thông báo  kết quả xét tuyển thẳng | Đợt 1: dự kiến trước ngày 21/04/2023  Đợt 2: dự kiến trước ngày 08/09/2023 |

Những thí sinh không đạt điều kiện xét tuyển thẳng sẽ được chuyển sang hình thức xét tuyển ngay trong kỳ tuyển sinh đợt 1 và đợt 2 năm 2023.

1.4 Chỉ tiêu xét tuyển thẳng: không vượt quá 30% chỉ tiêu được phân bổ cho mỗi chuyên ngành.

1.5 Nguyên tắc xét tuyển thẳng: xét đúng các đối tượng đã quy định tại điểm 1.1 của mục này, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

**\*\*\*Thủ tục đăng ký dự tuyển:**

Thí sinh đăng kí dự tuyển thạc sĩ (theo phương thức xét tuyển thẳng hay xét tuyển năm 2023 ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đều phải thực hiện đăng kí trực tuyến và đồng thời nộp hồ sơ đăng kí dự tuyển theo các bước sau:

***1. Đăng kí trực tuyến:***

Thí sinh cần truy cập vào cổng thông tin đăng kí tuyển sinh trực tuyến theo địa chỉ [**http://tssdh.vnu.edu.vn**](http://tssdh.vnu.edu.vn)và thực hiện theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2023. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

***2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo các nội dung sau:***

*2.1 Danh mục hồ sơ nộp tại Trường gồm:*

- Phiếu đăng kí dự tuyển (in từ cổng thông tin đăng kí trực tuyến).

- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học.

- Giấy chứng nhận văn bằng được cấp bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo *(đối với thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp).*

- Bản sao công chứng bảng điểm đại học.

- Bản sao công chứng minh chứng chuẩn đầu vào ngoại ngữ *(chỉ chấp nhận các loại văn bằng/chứng chỉ được quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 trong Thông báo này)* và chứng chỉ Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT) đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng kí dự tuyển.

- Bản sao công chứng công trình nghiên cứu khoa học và chứng nhận thành tích nghiên cứu khoa học *(nếu có)*. Đối với công trình nghiên cứu khoa học, bản sao phải thể hiện đầy đủ trang bìa, mục lục và nội dung công trình công bố của thí sinh.

*2.2 Thủ tục nộp hồ sơ:*

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện EMS tính theo dấu bưu điện (đợt 1 muộn nhất đến ngày 12/04/2023 và đợt 2 muộn nhất đến ngày 28/8/2023).

***Nội dung gửi ghi rõ:*** Họ và tên thí sinh; Mã đăng kí dự thi (được cấp sau khi đăng kí trực tuyến thành công); Hồ sơ dự tuyển thạc sĩ (ghi rõ: xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển chuyên ngành cụ thể), đợt (ghi rõ: đợt 1 hoặc đợt 2 năm 2023).

***Địa chỉ nhận hồ sơ:*** Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. ĐT: 0243.5588053.

***Lưu ý:***

* *Thí sinh không đăng ký trực tuyến hoặc đăng kí trực tuyến mà không nộp hồ sơ theo quy định sẽ không đủ điều kiện để dự tuyển.*
* *Trong thời gian 48 giờ sau khi đăng kí (trừ ngày nghỉ, ngày lễ), nếu thí sinh không nhận được thông tin phản hồi hoặc đăng kí dự tuyển không thành công, đề nghị liên hệ lại với bộ phận tuyển sinh qua số điện thoại* ***0243.5588053*** *(trong giờ hành chính) hoặc qua qua số điện thoại* ***0945.364.914*** *(trước 18h00 hàng ngày) hoặc qua địa chỉ email:* [*tuyensinhsdh@ussh.edu.vn*](mailto:tuyensinhsdh@ussh.edu.vn)
* *Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Nhà trường sẽ xem xét hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh nếu các thông tin đăng ký dự tuyển sai lệch với hồ sơ và không đáp ứng tiêu chuẩn dự thi.*

**Phụ lục 2 –** **Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**1. Chứng chỉ tiếng Anh:**

| **Khung năng lực**  **ngoại ngữ VN** | **IELTS** | **TOEFL**  *không chấp nhận chứng chỉ toefl ibt thi online (home edition)* | **Cambridge Exam** | **Vietnamese Standardized Test of English Proficiency** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc 3 | 4.5 | 42 iBT | A2 Key 140  B1 Preliminary: 140  B2 First: 140  B1 Business Preliminary 140  B2 Business Vantage: 140 | VSTEP.3-5 (4.0) |
| Bậc 4 | 5.5 | 72 iBT | B1 Preliminary: 160  B2 First: 160  C1 Advanced: 160  B1 Business Preliminary 160  B2 Business Vantage: 160  C1 Business Higher: 160 | VSTEP.3-5 (6.0) |

*Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Đối với chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chỉ chấp nhận chứng chỉ đã được quy định theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố (chi tiết mẫu xem tại:* [*http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam*](http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam)*).*

**Phụ lục 2 –** **Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**2. Một số thứ tiếng khác:**

| **Khung năng lực ngoại ngữ VN** | **tiếng Nga** | **tiếng Pháp** | **tiếng Đức** | **tiếng Trung** | **tiếng Nhật** | **tiếng Hàn** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc 3 | ТРКИ-1 | DELF B1  TCF B1 | Goethe-Zertifikat B1,  TELC Deutsch B1,  DSD I, ÖSD -Zertifikat B1,  TestDaF-TDN3, ECL B1 | HSK  Bậc 3 | JLPT N3  NAT-TEST 3Q  J-TEST (400) | TOPIK II  (Bậc 3) |
| Bậc 4 | ТРКИ-2 | DELF B2  TCF B2 | Goethe-Zertifikat B2,  TELC Deutsch B2,  DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm),  ÖSD -Zertifikat B2,  TestDaF-TDN4  ECL B2 | HSK Bậc 4 | JLPT N2 (90)  NAT-TEST 2Q (100)  J-TEST (600) | TOPIK II (Bậc 4) |

***Ghi chú:*** *Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.*

**Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN**

* 1. **Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4**

| **STT** | **Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận** | **Chứng chỉ** | **Chứng nhận** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng Anh (\*)** | **Tiếng Nga** | **Tiếng Pháp** | **Tiếng Trung** | **Tiếng Đức** | **Tiếng Nhật** | **Tiếng Hàn** | **Tiếng Thái** |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** |
|  | Trường ĐH Hà Nội | **√** | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | **√** | **√** | **√** | **√** |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng | **√** | **√** |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học Bách khoa Hà Nội | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ĐH Thái Nguyên | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Cần Thơ | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Nam Cần Thơ | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường ĐH Vinh | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện An ninh nhân dân | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Báo chí và Tuyên truyền | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Thương mại | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Ngoại thương | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Khoa học quân sự | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Học viện Cảnh sát nhân dân | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Quy Nhơn | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại Học Tây Nguyên | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Sài Gòn | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Văn Lang | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Trà Vinh | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM | **√** |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

* 1. **Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

| **STT** | **Cơ sở cấp**  **chứng chỉ** | **Các chứng chỉ được công nhận** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| IELTS | TOEFL | Cambridge Exam |
|  | Educational Testing Service (ETS) |  | **√** |  |
|  | British Council (BC) | **√** |  |  |
|  | International Development Program (IDP) | **√** |  |  |
|  | Cambridge ESOL | **√** |  | **√** |

* 1. **Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác**

| **STT** | **Cơ sở cấp chứng chỉ** | **Một số ngoại ngữ khác** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***tiếng Nga*** | ***tiếng Pháp*** | ***tiếng Đức*** | ***tiếng Trung*** | ***tiếng Nhật*** | ***tiếng Hàn*** |
|  | Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin | **√** |  |  |  |  |  |
|  | Bộ Giáo dục Pháp |  | **√** |  |  |  |  |
|  | Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD |  |  | **√** |  |  |  |
|  | Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc*(\*)* |  |  |  | **√** |  |  |
|  | Japan Foundation (JLPT)  Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test) |  |  |  |  | **√** |  |
|  | Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED) |  |  |  |  |  | **√** |

*Ghi chú: (\*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2023 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).*

#### Phụ lục 5 – Danh sách các ngành đào tạo đại học được đăng kí xét tuyển thẳng

***1. Danh sách các chương trình đào tạo được kiểm định (còn thời hạn) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng.***

| **TT** | **Tên chương trình** | **Tổ chức kiểm định** | **Năm kiểm định** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tâm lý học | AUN-QA | 2018 |
|  | Xã hội học | AUN-QA | 2018 |
|  | Chính trị học | AUN-QA | 2020 |
|  | Lịch sử | AUN-QA | 2020 |
|  | Quốc tế học | Bộ GD&ĐT | 2019 |
|  | Lưu trữ học | Bộ GD&ĐT | 2020 |

***2. Danh sách các chương trình đào tạo chất lượng cao (được nhà nước đầu tư) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng.***

| **TT** | **Các chương trình Chất lượng cao** |
| --- | --- |
|  | Triết học |
|  | Lịch sử |
|  | Ngôn ngữ học |
|  | Văn học |
|  | Tâm lí học |
|  | Khoa học quản lí |

***Ghi chú:*** *Danh mục 1, 2 chỉ áp dụng cho thí sinh dự xét tuyển thẳng đã tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, xếp hạng từ loại Khá trở lên, còn thời hạn trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đăng kí dự thi và đáp ứng các yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ tại* ***Phụ lục 2*** *và* ***Phụ lục 3****.*

***3. Danh sách các chương trình đào tạo Chuẩn, Chất lượng cao theo Thông tư 23/2014 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng***

| **TT** | **Ngành tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, loại Giỏi trở lên** | **Chuyên ngành đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ (bao gồm cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)** |
| --- | --- | --- |
|  | Báo chí | Báo chí học |
| Quản trị báo chí truyền thông |
|  | Chính trị học | Chính trị học |
| Hồ Chí Minh học |
|  | Công tác xã hội | Công tác xã hội |
|  | Đông phương học | Châu Á học |
|  | Hán Nôm | Hán Nôm |
|  | Khoa học quản lí | Khoa học quản lí |
| Quản lí Khoa học và Công nghệ |
|  | Lịch sử | Khảo cổ học |
| Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| Lịch sử sử học và sử liệu học |
| Lịch sử thế giới |
| Lịch sử văn hóa Việt Nam |
| Lịch sử Việt Nam |
|  | Lưu trữ học | Lưu trữ học |
|  | Ngôn ngữ học | Ngôn ngữ học |
|  | Nhân học | Nhân học |
|  | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Du lịch |
|  | Quản trị văn phòng | Quản trị văn phòng |
|  | Quốc tế học | Quan hệ quốc tế |
|  | Tâm lí học | Tâm lí học |
| Tâm lí học lâm sàng |
|  | Thông tin - Thư viện | Khoa học thông tin thư viện |
|  | Tôn giáo học | Tôn giáo học |
|  | Triết học | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| Triết học |
|  | Văn học | Lí luận văn học |
| Văn học nước ngoài |
| Văn học Việt Nam |
| Văn học dân gian |
|  | Việt Nam học | Việt Nam học |
|  | Xã hội học | Xã hội học |

***4. Danh sách các chương trình đào tạo Chuẩn ngành phù hợp của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng***

| **TT** | **Ngành tốt nghiệp đại học chính quy, ngành phù hợp, loại Giỏi trở lên** | **Chuyên ngành đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ (bao gồm cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)** |
| --- | --- | --- |
|  | Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật (Khoa Luật, ĐHQGHN) | Chính sách công |
|  | Lịch sử | Nhân học |
|  | Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lí, Nhân học | Quản lí văn hóa |
|  | Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học | Châu Á học |
|  | Quan hệ công chúng | Báo chí học |
| Quản trị báo chí truyền thông |
|  | Quản trị khách sạn | Du lịch |
|  | Sư phạm Lịch sử (Trường ĐH Giáo dục) | Khảo cổ học |
|  | Sư phạm Ngữ văn (Trường ĐH Giáo dục) | Lí luận văn học |
| Văn học nước ngoài |
| Văn học Việt Nam |
| Văn học dân gian |
|  | Thông tin học, Quản lý thông tin | Khoa học thông tin thư viện |
|  | Tôn giáo học | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| Triết học |
|  | Triết học | Tôn giáo học |
|  | Văn học | Lí luận, lịch sử điện ảnh - truyền hình |

**Yêu cầu chung đối với danh mục 3, 4:**

- Tốt nghiệp hệ chính quy, chương trình Chuẩn/Chất lượng cao loại Giỏi trở lên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hoặc của các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

- Văn bằng còn giá trị thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến thời điểm đăng kí dự thi.

- Có minh chứng đáp ứng điều kiện về chuẩn đầu vào ngoại ngữ theo ***Phụ lục 2*** và ***Phụ lục 3***.

- Có minh chứng về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có).